ĐA DẠNG HỌ SIM (MYRTACEAE) Ở PHÍA NAM TỈNH THANH HOÁ - PHÍA BẮC TỈNH NGHỆ AN

Đậu Bá Thìn[1], Nguyễn Thị Hải[2]

TÓM TẮT

Kết quả nghiên cứu về đa dạng họ Sim (Myrtaceae) ở phía Nam tỉnh Thanh Hoá - phía Bắc tỉnh Nghệ An, thời gian từ tháng 10 năm 2022 đến tháng 5 năm 2023 đã thu được 68 mẫu, xác định được 33 loài và dưới loài, thuộc 9 chi. Các loài trong họ Sim có nhiều giá trị sử dụng: nhóm cho tinh dầu với 33 loài, nhóm làm thuốc 18 loài, nhóm lấy gỗ 16 loài, nhóm ăn được 12 loài, nhóm làm cảnh 5 loài và nhóm có tanin 2 loài. Dạng thân của các loài thuộc họ Sim chủ yếu là cây thân gỗ nhỏ với 13 loài, thân gỗ lớn và thân gỗ trung bình cùng có 7 loài, cây thân bụi có 6 loài. Yếu tố địa lý của các loài thuộc họ Sim cũng đã được xác định với yếu tố nhiệt đới châu Á chiếm 42,42% tổng số loài, yếu tố cây trồng chiếm 33,33%, yếu tố đặc hữu và cận đặc hữu Việt Nam chiếm 18,18%, yếu tố cổ nhiệt đới và yếu tố chưa xác định cùng chiếm 3,03%.

Từ khóa: *Đa dạng, họ Sim, phía Nam Thanh Hoá, phía Bắc Nghệ An, yếu tố địa lý.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Họ Sim (Myrtaceae) là một trong những họ lớn của ngành Ngọc lan (Magnoliophyta), trên thế giới có khoảng 4.500-5.000 loài thuộc 130 chi, phân bố ở khu vực Địa Trung Hải, châu Phi, Madagascar, châu Á, Australia, đảo Thái Bình Dương và khu vực nhiệt đới của châu Mỹ [1]. Hiện nay, ở Việt Nam đã ghi nhận 15 chi với 110 loài và thứ [2]. Đây là một trong những họ cho nhiều giá trị sử dụng khác nhau như cho gỗ, làm thuốc, cho tinh dầu, làm cảnh, làm thức ăn,… và đã được người dân sử dụng trong đời sống hàng ngày, cho nhiều triển vọng ứng dụng trong ngành dược, có ý nghĩa rất lớn cả về mặt sinh thái và kinh tế [3] [4] [5].

Phía Nam tỉnh Thanh Hóa - phía Bắc tỉnh Nghệ An là vùng tiếp giáp giữa hai tỉnh Thanh Hóa và Nghệ An, có hệ thống núi đất và đá vôi xen kẽ. Qua khảo sát, cho thấy ở khu vực này hệ thực vật khá đa dạng, phong phú; bên cạnh đó, tại đây hiện có 3 nhà máy xi măng (Nghi Sơn, Công Thanh và Hoàng Mai) đã và đang khai thác nguồn nguyên liệu để sản xuất xi măng nên ít nhiều có tác động đến hệ thực vật nói chung và họ Sim nói riêng. Tuy nhiên, cho đến nay chưa có công trình nào nghiên cứu riêng biệt, cụ thể về thành phần và giá trị của các loài trong họ Sim. Vì vậy, bài báo này cung cấp những dẫn liệu về họ Sim ở đây làm cơ sở khoa học cho công tác bảo tồn.

2. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Các loài trong họ Sim (Myrtaceae) phân bố ở phía Nam tỉnh Thanh Hoá, phía Bắc tỉnh Nghệ An.

[1]*Trường Đại học Hồng Đức; Email: daubathin@hdu.edu.vn*

[2] *Trường THPT Quảng Xương 1, Thanh Hoá*

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Địa điểm và các tuyến thu mẫu: Việc xác định điểm và tuyến nghiên cứu được thực hiện theo phương pháp của Nguyễn Nghĩa Thìn [6]. Dựa vào bản đồ địa hình và bản đồ hiện trạng sử dụng đất của khu vực nghiên cứu, tiến hành vạch tuyến và điểm nghiên cứu. Chọn 6 tuyến tại các xã/phường phía Nam của Thị xã Nghi Sơn - Thanh Hóa gồm tuyến 1: từ xã Phú Lâm đến xã Tân Trường; tuyến 2: từ xã Tùng Lâm - Tân Trường đến xã Trường Lâm; tuyến 3: từ phường Mai Lâm đến xã Trường Lâm; tuyến 4: từ phường Mai Lâm đến phường Hải Thượng; tuyến 5: từ phường Hải Thượng đến xã Hải Hà; tuyến 6: từ xã Hải Hòa đến xã Nghi Sơn và 4 tuyến thuộc các xã phía Bắc thị xã Hoàng Mai - Nghệ An gồm tuyến 7: từ xã Quỳnh Lộc đến xã Quỳnh Lập; tuyến 8: từ xã Quỳnh Lộc - Quỳnh Lập đến Quỳnh Thiện; tuyến 9: từ phường Quỳnh Lộc đến Quỳnh Thiện; tuyến 10: từ xã Quỳnh Vinh đến phường Quỳnh Thiện. Mỗi tuyến dài khoảng 4,5 km - 5 km và đi qua các địa hình, sinh cảnh khác nhau. Mở rộng phạm vi điều tra trên mỗi tuyến về 2 bên khoảng 50 m.

Thu mẫu, xử lý mẫu: Thu mẫu và xử lý mẫu vật họ Sim theo phương pháp thông dụng hiện hành [6]. Thời gian tiến hành từ tháng 9/2022 đến tháng 5/2023. Mẫu vật được lưu trữ ở phòng Thực hành Sinh học, khoa Khoa học Tự nhiên, Trường Đại học Hồng Đức; phòng Tiêu bản mẫu thực vật, khoa Nông Lâm Ngư, Trường Đại học Kinh tế Nghệ An.

Xác định tên khoa học: Để xác định các loài họ Sim, sử dụng phương pháp hình thái so sánh. Các tài liệu được sử dụng để tra cứu và định loại: Cây cỏ Việt Nam [7], Thực vật chí Việt Nam [8], Thực vật chí Trung Quốc (phần họ Sim) [1]. Một số mẫu khó được so mẫu ở phòng Mẫu thực vật, Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật.

Đánh giá tính đa dạng về yếu tố địa lý theo Nguyễn Nghĩa Thìn (2008) [6]; giá trị sử dụng theo Võ Văn Chi (2012) [3], Đỗ Tất Lợi (2003) [5], Danh lục các loài thực vật Việt Nam [2]; dạng thân theo Triệu Văn Hùng và cộng sự (2007) [4].

Số liệu được xử lý bằng phần mềm Excel 2010.

Hình 1. Bản đồ các tuyến điều tra họ Sim ở phía Nam tỉnh Thanh Hóa - phía Bắc tỉnh Nghệ An

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đa dạng thành phần loài

Kết quả thu mẫu và định loại các loài họ Sim ở địa điểm nghiên cứu, đã xác định được 33 loài và dưới loài thuộc 9 chi. Chi tiết tại bảng 1.

Bảng 1. Thành phần loài trong họ Sim ở phía Nam tỉnh Thanh Hoá - phía Bắc tỉnh Nghệ An

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Yếu tố địa lý	Dạng thân	Giá trị sử dụng
1	*Baeckea frutescens* L.	Chổi xể	4.2	BUI	CAN, CTD, THU
2	*Cleistocalyx circumcissa* (Gagnep.) Phamh.	Trâm vối ô	6	GON	AND, CAN, CTD, LGO
3	*Cleistocalyx operculatus* (Roxb.) Merr. & Perry	Vối	3.1	GOT	CTD, TAN, THU
4	*Decaspermum gracilentum* (Hance) Merr. & Perry	Thập tử mảnh	4.4	BUI	AND, CTD, THU
5	*Eucalyptus alba* Reinw. ex Blume	Bạch đàn trắng	7	GON	CTD, LGO
6	*Eucalyptus citriodora* Hook. f.	Bạch đàn chanh	7	GOL	CTD, LGO, THU
7	*Eucalyptus exserta* F. Mulle.	Bồ đề liễu	7	GOL	CTD, LGO, THU
8	*Eucalyptus globulus* Labill.	Bạch đàn xanh	7	GOT	CTD, LGO, THU
9	*Eucalyptus grandis* Hill. ex Maiden	Khuynh diệp to	7	GOL	CTD, LGO
10	*Eucalyptus longifolia* Link	Bạch đàn lá dài	7	GOT	CTD, LGO, THU
11	*Eucalyptus robusta* Smith	Bạch đàn đỏ	7	GOL	CTD, LGO, THU
12	*Eucalyptus tereticornis* Smith	Bạch đàn liễu	7	GOT	CTD, LGO, THU
13	*Eugenia uniflora* L.	Trâm sơ ri	7	BUI	AND, CTD, THU
14	*Melaleuca leucandendra* L.	Tràm	4.2	GON	CTD, LGO, THU
15	*Psidium cujavillus* Burm. f.	Ổi cảnh	7	BUI	AND, CAN, CTD, THU
16	*Psidium guajava* L.	Ổi	7	GON	AND, CAN, CTD, THU

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Yếu tố địa lý	Dạng thân	Giá trị sử dụng
17	*Rhodamnia dumetorum* (Poir.) Merr. & Perry	Sim rừng lớn	4	BUI	AND, CAN, CTD, THU
18	*Syzygium attopeuense* (Gagnep.) Merr. & Perry	Trâm attopeu	6.1	GON	CTD
19	*Syzygium bavinensis* (Gagnep.) Merr. & Perry	Trám ba vì	6	GON	CTD
20	*Syzygium boisianum* (Gagnep.) Merr.	Trâm bois	6	GON	CTD
21	*Syzygium bonii* (Gagnep.) Merr. & Perry	Trâm bon	6	GOT	CTD, LGO
22	*Syzygium bullokii* (Hance) Merr. & Perry	Trâm bullock	4.1	BUI	AND, CTD, THU
23	*Syzygium chanlos* (Gagnep.) Merr. & Perry	Trâm trắng	4.4	GON	AND, CTD, LGO
24	*Syzygium cumini* (L.) Skells	Vối rừng	4.2	GOL	CTD, LGO, THU
25	*Syzygium jambos* (L.) Aston	Roi	4.2	GON	AND, CTD, TAN, THU
26	*Syzygium jambos* (L.) Aston var. *sylvaticum* (Gagnep.) Merr. & Perry	Trâm đỏ	4.4	GON	AND, CTD
27	*Syzygium levinei* (Merr.) Merr. & Perry	Trâm núi	4.4	GOT	CTD, LGO, THU
28	*Syzygium polyalthum* (Wight) Walp	Sắn thuyền	4.1	GOL	AND, CTD, LGO, THU
29	*Syzygium rubicudum* Wight & Arn	Trâm đỏ thắm	6	GON	CTD
30	*Syzygium* sp.	Trâm lông		GON	CTD
31	*Syzygium syzygioides* (Miq.) Merr. & Perry	Trâm kiền kiền	4	GOL	AND, CTD, LGO
32	*Syzygium tsoongii* (Merr.) Merr. & Perry	Trâm quả trắng	4.4	GON	CTD
33	*Syzygium zeylanicum* (L.) DC.	Trâm tích lan	4	GOT	CTD, LGO, THU

Ghi chú: Yếu tố địa lý: 3.1-Yếu tố nhiệt đới Á - Úc; 4-Yếu tố châu Á nhiệt đới; 4.1-Yếu tố Đông Dương - Malêzi; 4.2-Yếu tố Đông Dương - Ấn Độ; 4.3-Yếu tố Đông Dương - Himalaya; 4.4-Đông Dương-Nam Trung Quốc; 4.5-Yếu tố Đông Dương; 6-Yếu tố đặc hữu; 6.1-Yếu tố cận đặc hữu; 7-Yếu tố cây trồng; Dạng thân: GOL-Cây gỗ lớn; GOT-Cây gỗ trung bình; GON-Cây gỗ nhỏ; BUI-Cây bụi; Giá trị sử dụng: AND-Ăn được; CAN: Làm cảnh; CTD-Cho tinh dầu; LGO-Cho gỗ; TAN-Cho tanin; THU-Làm thuốc.

3.2. Phân bố loài trong các chi

Kết quả nghiên cứu đã thống kê được số lượng loài trong mỗi chi của họ Sim (Myrtaceae) ở phía Nam tỉnh Thanh Hoá - phía Bắc tỉnh Nghệ An. Kết quả được thể hiện qua bảng 2.

Bảng 2. Phân bố số lượng loài trong mỗi chi của họ Sim

Tên chi	Số loài	Tỷ lệ (%)
Baeckea, Decaspermum, Eugenia, Melaleuca, Rhodomyrtus	1	3,03
Cleistocalyx, Psidium	2	6,06
Eucalyptus	8	24,24
Syzygium	16	48,49

Từ kết quả bảng 2 cho thấy, họ Sim ở khu vực nghiên cứu có 9 chi đã được xác định, số lượng các loài phân bố trong mỗi chi là khác nhau; *Syzygium* là chi đa dạng nhất với 16 loài, chiếm 48,49% tổng số loài, tiếp đến là *Eucalyptus* với 8 loài chiếm 24,24%; chi *Cleistocalyx* và *Psidium* cùng có 2 loài chiếm 6,06% và *Baeckea, Decaspermum, Eugenia, Melaleuca, Rhodomyrtus* mỗi chi có 1 loài chiếm 3,03%.

3.3. Đa dạng về dạng thân

Kết quả thống kê về dạng thân các loài thuộc họ Sim ở phía Nam tỉnh Thanh Hoá - phía Bắc tỉnh Nghệ An được phân chia làm 4 dạng thân chính: cây thân gỗ lớn (GOL), cây thân gỗ trung bình (GOT), cây thân gỗ nhỏ (GON) và cây thân bụi (BUI). Kết quả được thể hiện ở bảng 3.

Bảng 3. Dạng thân của các loài thuộc họ Sim ở khu vực nghiên cứu

Dạng thân	Ký hiệu	Số loài	Tỷ lệ (%)
Thân gỗ lớn	GOL	7	21,21
Thân gỗ trung bình	GOT	7	21,21
Thân gỗ nhỏ	GON	13	39,39
Thân bụi	BUI	6	18,18

Qua bảng 3 cho thấy, dạng thân của các loài thuộc họ Sim ở khu vực nghiên cứu chủ yếu thuộc cây thân gỗ nhỏ với 13 loài (chiếm 39,39% tổng số loài) thuộc các chi *Cleistocalyx, Eucalyptus, Melaleuca, Psidium* và *Syzygium*; tiếp đến nhóm thân gỗ lớn và thân gỗ trung bình cùng có 7 loài (chiếm 21,21% tổng số loài) thuộc chi *Eucalyptus* và *Syzygium*; nhóm thân bụi có 6 loài (chiếm 18,18% tổng số loài) thuộc các chi *Baeckea, Decaspermum* và *Eugenia*.

3.4. Đa dạng về giá trị sử dụng

Kết quả điều tra, tìm hiểu về giá trị sử dụng của các loài trong họ Sim cho thấy: Trong số 33 loài và dưới loài thuộc họ Sim xác định được ở phía Nam tỉnh Thanh Hoá - phía Bắc tỉnh Nghệ An thì cả 33 loài đều có giá trị sử dụng với 6 nhóm chính được thể hiện ở bảng 4.

Bảng 4. Giá trị sử dụng của các loài thuộc họ Sim ở khu vực nghiên cứu

TT	Giá trị sử dụng	Ký hiệu	Số loài*	Tỉ lệ (%)
1	Cây tinh dầu	CTD	33	100
2	Cây làm thuốc	THU	18	54,55
3	Cây lấy gỗ	LGO	16	48,49
4	Cây ăn được	AND	12	36,36
5	Cây làm cảnh	CAN	5	15,15
6	Cây tanin	TAN	2	6,06

*Ghi chú: * 1 loài có thể có 1 hoặc nhiều giá trị sử dụng khác nhau*

Kết quả bảng 4 cho thấy: Trong số 6 nhóm giá trị sử dụng của các loài họ Sim thì nhóm cây cho tinh dầu có nhiều loài nhất với 33 loài chiếm 100%, tiếp đến là nhóm cây làm thuốc với 18 loài chiếm 54,55%, nhóm cây cho gỗ với 16 loài chiếm 48,49% tổng số loài, nhóm cây ăn được với 12 loài chiếm 36,36%; nhóm cây làm cảnh với 5 loài chiếm 15,15% tổng số loài và cây có tanin với 2 loài chiếm 6,06% tổng số loài.

3.5. Đa dạng về yếu tố địa lý

Kết quả thống kê từ bảng danh lục thực vật cho thấy, các loài thuộc họ Sim ở phía Nam tỉnh Thanh Hoá - phía Bắc tỉnh Nghệ An có 4 yếu tố địa lý chính. Kết quả được thống kê ở bảng 5.

Bảng 5. Yếu tố địa lý của các loài trong họ Sim ở khu vực nghiên cứu

Ký hiệu	Các yếu tố địa lý	Số loài	Tỷ lệ (%)	Số loài	Tỷ lệ (%)
3.1	Nhiệt đới châu Á và châu Úc	1	3,03	Cổ nhiệt đới - 1	3,03
4	Nhiệt đới châu Á	3	9,09	Nhiệt đới châu Á	42,42
4.1	Đông Dương - Malêzi	2	6,06		
4.2	Lục địa châu Á nhiệt đới	4	12,12		
4.4	Đông Dương - Nam Trung Quốc	5	15,15	14	
6	Đặc hữu Việt Nam	5	15,15	Đặc hữu và cận đặc hữu Việt Nam	18,18
6.1	Cận đặc hữu Việt Nam	1	3,03	6	
7	Cây trồng	11	33,33	11	33,33
	Yếu tố chưa xác định	1	3,03	1	3,03
	Tổng	33	100	33	100

Trong đó, yếu tố nhiệt đới châu Á có số lượng loài nhiều nhất với 14 loài chiếm 42,42% tổng số loài, tiếp đến là yếu tố cây trồng với 11 loài chiếm 33,33% tổng số loài, yếu tố đặc hữu và cận đặc hữu Việt Nam với 6 loài chiếm 18,18% tổng số loài, yếu tố cổ nhiệt đới với 1 loài chiếm 3,03% tổng số loài và yếu tố chưa xác định là 1 loài chiếm 3,03%.

4. KẾT LUẬN

Kết quả điều tra thành phần loài họ Sim ở khu vực phía Nam tỉnh Thanh Hoá - phía Bắc tỉnh Nghệ An đã xác định được 33 loài thuộc 9 chi; chúng chủ yếu là nhóm cây thân gỗ nhỏ với 13 loài, cây thân gỗ lớn và cây gỗ trung bình cùng có 7 loài, cây thân bụi có 6 loài.

Các loài trong họ Sim có nhiều giá trị sử dụng khác nhau như cho tinh dầu với 33 loài, làm thuốc 18 loài, lấy gỗ 16 loài, ăn được 12 loài, cảnh 5 loài và tanin 2 loài.

Yếu tố địa lý của các loài thuộc họ Sim được xác định, cụ thể: Yếu tố nhiệt đới châu Á chiếm 42,42% tổng số loài, yếu tố cây trồng chiếm 33,33%, yếu tố đặc hữu và cận đặc hữu Việt Nam chiếm 18,18%, yếu tố cổ nhiệt đới và yếu tố chưa xác định cùng chiếm 3,03%.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Chen J., Craven L. A. (2007), Myrtaceae, Flora of China, vol.13, Science Press, Beijing and Missouri Botanical Garden Press, St Louis, Missouri.

[2] Nguyễn Tiến Bân (chủ biên, 2003), *Danh lục các loài thực vật Việt Nam*, (tập 2), Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.

[3] Võ Văn Chi (2012), *Từ điển cây thuốc Việt Nam*, (2 tập), Nxb. Y học, Hà Nội.

[4] Triệu Văn Hùng và cộng sự (2007), *Lâm sản ngoài gỗ Việt Nam*, Nxb. Bản đồ, Hà Nội.

[5] Đỗ Tất Lợi (2003), *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam* (tái bản lần thứ XI), Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

[6] Nguyễn Nghĩa Thìn (2008), *Các phương pháp nghiên cứu thực vật*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.

[7] Phạm Hoàng Hộ (2003), *Cây cỏ Việt Nam*, tập 2, Nxb. Trẻ TP Hồ Chí Minh.

[8] Nguyễn Kim Đào (2003), Họ Myrtaceae trong Nguyễn Tiến Bân (Chủ biên) (2003), *Danh lục các loài thực vật Việt Nam*, tập 2, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.

[9] Nguyễn Nghĩa Thìn (1997), *Cẩm nang nghiên cứu đa dạng sinh vật*, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.

THE DIVERSITY OF THE MYRTACEAE FAMILY IN THE SOUTHERN PART OF THANH HOA PROVINCE AND THE NORTHERN PART OF NGHE AN PROVINCE

Dau Ba Thin, Nguyen Thi Hai

ABSTRACT

This paper presents some results of research on the diversity of Myrtaceae in Southern Thanh Hoa and Northern Nghe An provinces, spanning from October 2022 to May 2023. A total of 33 species belonging to 9 genera of the Myrtaceae family were identified. The useful plant species of Myrtaceae are categorized as follows: 33 species for

essential oils, 18 species as medicinal plants, 16 species for timber, 12 species for edible plants, 5 species for ornamental plants, and 2 species for tannins. The stem forms of Myrtaceae in Southern Thanh Hoa and Northern Nghe An provinces exhibit 4 main forms: small groups of trees with 13 species, large groups of trees and average groups of trees with 7 species each, and shrub groups with 6 species. The Myrtaceae family in Southern Thanh Hoa and Northern Nghe An provinces predominantly comprises the Asian tropical element (42.42%), followed by the crops element (33.33%), endemic and subendemic elements (18.18%), ancient tropical elements and undefined elements (3.03%).

Keywords: *Diversity, Myrtaceae, Southern Thanh Hoa, Northern Nghe An, geographical factor.*

** Ngày nộp bài: 18/5/2023; Ngày gửi phản biện: 25/5/2023; Ngày duyệt đăng: 10/12/2023*

** Bài báo này là kết quả nghiên cứu từ đề tài NCKH cấp Bộ mã số B2022-TDV-07 của Trường Đại học Hồng Đức.*